

THÔNG BÁO
Tuyển sinh chương trình đào tạo thạc sĩ tài năng năm 2026

Căn cứ Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2030 và định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 179/2026/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chính sách học bổng cho người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2627/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ tài năng thuộc các lĩnh vực STEM;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt danh sách các chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ tài năng thuộc các lĩnh vực STEM tham gia Đề án Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035 và định hướng tới năm 2045 theo Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1336/QĐ-ĐHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Đại học Công nghiệp Hà Nội ban hành Chương trình đào tạo thạc sĩ tài năng;

Đại học Công nghiệp Hà Nội thông báo tuyển sinh chương trình đào tạo thạc sĩ tài năng năm 2026, cụ thể như sau:

I. Thông tin chương trình đào tạo thạc sĩ tài năng

Chương trình đào tạo (CTĐT) thạc sĩ tài năng của Đại học Công nghiệp Hà Nội được thiết kế nhằm đào tạo đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhà nghiên cứu và lãnh đạo kỹ thuật xuất sắc trong các lĩnh vực kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược.

CTĐT được xây dựng theo định hướng đào tạo, tuyển chọn những học viên có năng lực học tập vượt trội, tư duy nghiên cứu độc lập và khát vọng đổi mới sáng tạo, làm chủ công nghệ tiên tiến. Nội dung đào tạo được xây dựng đáp ứng

chuẩn CTĐT thạc sĩ tài năng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đồng thời định hướng thực hiện kiểm định chất lượng theo chuẩn quốc tế (ABET).

Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ năng lực đảm nhận các vị trí chuyên gia R&D cao cấp, chuyên gia về thiết kế, chế tạo và kiểm thử, quản trị kỹ thuật hoặc quản lý dự án tại các tập đoàn công nghệ đa quốc gia; trở thành giảng viên, nghiên cứu viên tại các trường đại học, viện nghiên cứu chuyên ngành; hoặc tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo uy tín trong nước và quốc tế.

II. Ngành đào tạo, hình thức và khối lượng học tập

1. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã ngành	Ngành đào tạo	Mã CTĐT	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	8520203	Kỹ thuật điện tử (<i>Chuyên sâu Thiết kế vi mạch bán dẫn</i>)	8520203_TN	20
2	8520103	Kỹ thuật cơ khí	8520103_TN	20
3	8520114	Kỹ thuật cơ điện tử	8520114_TN	20

2. Hình thức đào tạo: Chính quy

3. Thời gian đào tạo chuẩn: 2,0 năm.

4. Khối lượng học tập toàn khóa: 60 tín chỉ.

5. **Văn bằng tốt nghiệp:** Người học hoàn thành chương trình và đáp ứng các điều kiện tốt nghiệp được cấp bằng thạc sĩ.

III. Phương thức tuyển sinh, hình thức và thời gian đăng ký xét tuyển

1. **Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển theo điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học trình độ đại học

2. **Hình thức đăng ký xét tuyển:** Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển tại phòng 204 tầng 2 nhà A2, Cơ sở 1, Đại học Công nghiệp Hà Nội (Số 298 Đường Cầu Diễn, phường Tây Tựu, Thành phố Hà Nội).

3. Thời gian đăng ký xét tuyển

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Thí sinh xem hướng dẫn và tải mẫu hồ sơ tại địa chỉ: https://cps.hau.edu.vn/vn/cac-bieu-mau	Từ ngày 01/9/2026
2	Thí sinh nộp hồ sơ	Từ ngày 01/9/2026 đến 25/10/2026
3	Học bổ sung kiến thức (nếu có)	Từ ngày 01/10/2026 đến 25/10/2026
4	Tổ chức xét tuyển	Từ ngày 26/10/2026 đến 28/10/2026
5	Công bố kết quả xét tuyển	Ngày 29/10/2026
6	Khai giảng khóa học (dự kiến)	Tháng 11/2026

4. Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/01 thí sinh.

5. Hồ sơ tuyển sinh

- Đơn đăng ký dự tuyển (*theo mẫu*).
- Sơ yếu lý lịch tự thuật (*theo mẫu*).
- Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học.
- Minh chứng trình độ ngoại ngữ
- Giấy chứng nhận sức khỏe.
- 04 ảnh 3x4 cm (*ghi rõ họ tên, ngày sinh, ngành dự tuyển ở mặt sau*).
- Bản sao công chứng CCCD.

IV. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Điều kiện về chuyên môn

Tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành dự tuyển trình độ thạc sĩ có điểm trung bình tích lũy toàn khóa (GPA) đạt tối thiểu từ 3.20/4.00 trở lên (hoặc tương đương từ 8.0/10 trở lên); Người dự tuyển có văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có công nhận về văn bằng tốt nghiệp của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo. Danh mục ngành phù hợp chi tiết tại phụ lục I.

2. Học bổ sung kiến thức

- Đối tượng học bổ sung: Tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành dự tuyển. Hội đồng chuyên môn của Đơn vị đào tạo xem xét đề nghị Trưởng đơn vị đào tạo đề xuất danh sách thí sinh học bổ sung ngành của chương trình đại học (nếu cần thiết).

- Việc học bổ sung phải hoàn thành trước khi thí sinh dự tuyển và người học bổ sung phải đóng học phí các học phần bổ sung theo mức học phí quy định đối với hệ đại học chính quy của Nhà trường.

3. Điều kiện về ngoại ngữ

Người dự tuyển thỏa mãn một trong những yêu cầu sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- Bằng tốt nghiệp đại học trở lên của chương trình đào tạo toàn thời gian bằng tiếng Anh do một cơ sở đào tạo nước ngoài (tại nước ngoài hoặc phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam) hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- Có một trong các chứng chỉ/chứng nhận năng lực ngoại ngữ theo danh sách tại Phụ lục II còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố.

V. Mức học phí: 950.000 đồng/tín chỉ.

VI. Chính sách học bổng và hỗ trợ học tập

Người học trình độ thạc sĩ tài năng được xét cấp học bổng theo nghị định số 179/2026/NĐ-CP ngày 20/5/2026 của Chính phủ và học bổng tuyển sinh đầu vào từ 20% đến 100% học phí toàn khóa học theo quyết định 942/QĐ-ĐHCN ngày 24/7/2023 về việc ban hành quy định về việc xét duyệt và cấp học bổng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh tại Đại học Công nghiệp Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Học bổng dành cho người học chương trình đào tạo tài năng trình độ thạc sĩ: 7.400.000 đồng/tháng, thời gian hưởng học bổng thực hiện theo Nghị định số 179/2026/NĐ-CP ngày 20/5/2026 của Chính phủ;

2. Học bổng 100% mức học phí toàn khóa học được cấp cho học viên nhập học mà trong quá trình học đại học thuộc một trong các trường hợp dưới đây:

a. Đạt huy chương Vàng (giải Nhất) trong các kỳ thi Olympic quốc gia; huy chương Đồng (giải Ba) trở lên kỳ thi Olympic quốc tế;

b. Đạt giải Nhất các cuộc thi chuyên môn cấp quốc gia; giải Ba trở lên cuộc thi chuyên môn cấp quốc tế (Robocon, xe tiết kiệm nhiên liệu, Procon,...);

c. Đạt giải Nhất sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ;

d. Là tác giả thứ nhất, đứng tên Đại học Công nghiệp Hà Nội (HaUI) của ít nhất 01 bài báo thuộc danh mục WoS/SCOPUS được xếp hạng Q2 trở lên;

e. Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích quốc tế/quốc gia.

3. Học bổng 70% mức học phí toàn khóa học được cấp cho học viên nhập học mà trong quá trình học đại học thuộc một trong các trường hợp dưới đây:

a. Đạt huy chương Bạc/Đồng (giải Nhì/Ba) trong các kỳ thi Olympic quốc gia;

b. Đạt giải Nhì/Ba các cuộc thi chuyên môn cấp quốc gia;

c. Đạt giải Nhì/Ba sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ;

d. Là tác giả thứ nhất, đứng tên HaUI của ít nhất 01 bài báo thuộc danh mục WoS/SCOPUS.

4. Học bổng 50% mức học phí toàn khóa học được cấp cho học viên nhập học mà trong quá trình học đại học đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a. Có điểm trung bình chung học tập hệ đại học từ mức 3.60 (thang điểm 4 hoặc được quy đổi, xếp loại Xuất sắc);

b. Giải Nhất sinh viên nghiên cứu khoa học cấp trường hoặc là tác giả thứ nhất, đứng tên HaUI của ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học từ 0,75 điểm trở lên hoặc 01 báo cáo quốc tế có phản biện, đăng đầy đủ trên kỷ yếu hội thảo có chỉ số xuất bản hoặc 01 bài báo đăng trên tạp chí Khoa học và Công nghệ-HaUI.

5. Học bổng 30% mức học phí toàn khóa học được cấp cho học viên nhập học mà trong quá trình học đại học đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a. Có điểm trung bình chung học tập hệ đại học từ mức 3.60-4.0 (thang điểm 4 hoặc được quy đổi, xếp loại Xuất sắc);

b. Có điểm trung bình chung học tập hệ đại học từ mức 3.20-3.59 (thang điểm 4 hoặc được quy đổi, xếp loại Giỏi) và đạt một trong các thành tích sau: Giải Nhất sinh viên nghiên cứu khoa học cấp trường trở lên hoặc là tác giả thứ nhất, đứng tên HaUI của ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học từ 0,75 điểm trở lên/01 báo cáo quốc tế có phản biện và đăng đầy đủ trên kỷ yếu hội thảo có chỉ số xuất bản/01 bài báo đăng trên tạp chí Khoa học và Công nghệ-HaUI.

6. Học bổng 20% mức học phí toàn khóa học được cấp cho học viên nhập học có điểm trung bình chung học tập hệ đại học từ mức 3.20-3.59 (thang điểm 4 hoặc được quy đổi, xếp loại Giỏi).

VII. Thông tin liên hệ

- Phòng Tuyển sinh - Ban Đào tạo - Đại học Công nghiệp Hà Nội, phòng 204 nhà A2, số 298, phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0243.7655121, 0965257932.

Nơi nhận:

- Website, Hệ thống Egov (để thông báo);
- Lưu VT, ĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**

**GIÁM ĐỐC
Kiều Xuân Thực**

Phụ lục I
DANH MỤC NGÀNH TỐT NGHIỆP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC PHÙ HỢP
VỚI NGÀNH DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ TÀI NĂNG
(Kèm theo Thông báo số: /TB-ĐHCN ngày tháng 8 năm 2026 của
Đại học Công nghiệp Hà Nội)

I. Ngành Kỹ thuật cơ khí

TT	Tên ngành/CTĐT	Mã ngành/CTĐT
1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201
2	Công nghệ chế tạo máy	7510202
3	Kỹ thuật cơ khí	7520103
4	Công nghệ kỹ thuật khuôn mẫu	7519003
5	Thiết kế cơ khí & kiểu dáng công nghiệp	7510201
6	Cơ kỹ thuật	7520101
7	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114
8	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203
9	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	7520118
10	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116
11	Kỹ thuật ô tô	7520130
12	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205
13	Kỹ thuật nhiệt	7520115
14	Bảo dưỡng công nghiệp	7510211
15	Công nghệ vật liệu	7510402
16	Kỹ thuật công nghiệp	7520117
17	Kỹ thuật hàng không	7520120
18	Kỹ thuật không gian	7520121
19	Kỹ thuật tàu thủy	7520122
20	Kỹ thuật vật liệu	7520309
21	Kỹ thuật vật liệu kim loại	7520310
22	Kỹ thuật Robot	7520107

II. Ngành Kỹ thuật cơ điện tử

TT	Tên ngành/CTĐT	Mã ngành/CTĐT
1	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114
2	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	7510203
3	Kỹ thuật Robot	7520107
4	Robot và trí tuệ nhân tạo	75102032
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201
6	Công nghệ chế tạo máy	7510202
7	Kỹ thuật cơ khí	7520103
8	Cơ kỹ thuật	7520101
9	Kỹ thuật công nghiệp	7520117
10	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	7520118
11	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216
12	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303
13	Công nghệ kỹ thuật điện, Điện tử	7510301

III. Kỹ thuật điện tử (Chuyên sâu Thiết kế vi mạch bán dẫn)

TT	Tên ngành/CTĐT	Mã ngành/CTĐT
1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302
2	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207
3	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108
4	Công nghệ thông tin	7480201
5	An toàn thông tin	7480202
6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301
7	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303
8	Kỹ thuật điện	7520201
9	Kỹ thuật radar - dẫn đường	7520204
10	Kỹ thuật thủy âm	7520205
11	Kỹ thuật biển	7520206
12	Kỹ thuật y sinh	7520212
13	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216
14	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114
15	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203
16	Khoa học máy tính	7480101
17	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102
18	Kỹ thuật phần mềm	7480103
19	Hệ thống thông tin	7480104
20	Kỹ thuật máy tính	7480106
21	Trí tuệ nhân tạo	7480107

Ghi chú: Thí sinh tốt nghiệp ngành trình độ đại học không có trong danh mục ngành phù hợp trên có thể gửi file PDF ảnh căn cước công dân, bằng tốt nghiệp và bảng điểm về địa chỉ email tuyensinh@hau.edu.vn để xem xét điều kiện dự tuyển.

Phụ lục II
DANH SÁCH CHỨNG CHỈ/CHỨNG NHẬN ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ MINH
CHỨNG CHO NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ TÀI NĂNG

(Kèm theo Thông báo số: /TB-ĐHCN ngày tháng 8 năm 2026 của
 Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
Tiếng Anh	TOEFL Ibt	Từ 46 trở lên
	IELTS	Từ 5.5 trở lên
	Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
	TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
	APTIS ESOL	B2 trở lên
	PTE Academic	Từ 59 trở lên
	PEIC	Level 3 trở lên
	VSTEP	Bậc 4 trở lên
	Oxford Test of English (OTE)	Từ 111 trở lên
	LANGUAGECERT International ESOL	B2 Communicator
	LANGUAGECERT Academic	Từ 60 trở lên